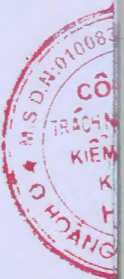


**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 - 03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04 - 05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 29.075.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh quặng sắt, vật liệu xây dựng.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch
Ông Tạ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Bà Phùng Thị Kim Anh	Thành viên

#### **Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm**

Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng

#### **Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 17/03/2016
Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 17/03/2016
Bà Vũ Thị Chung	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**Thay mặt Hội đồng quản trị  
Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Phạm Thị Hinh**

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc**

**Lê Hữu Lộc**



Số: 132 /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, được lập ngày 30/03/2017, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2016, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 và 01/01/2016, với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán lần lượt là 18.863.600.420 đồng và 16.763.750.917 đồng.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của các Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty Cổ phần VFI Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VDI Việt Nam, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái là các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh tổn thất của các khoản đầu tư này (nếu có) hay không.

Chúng tôi đã không thể thu thập được thông tin tài chính một cách đáng tin cậy về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với Công ty Cổ phần khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính của Công ty hay không.

Trong năm 2016 Công ty chưa ghi nhận đủ chi phí dự phòng phải thu khó đòi (khoảng 6,8 tỷ đồng), chi phí dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần đá Spilit khoảng 2,3 tỷ đồng, chi phí khấu hao tài sản cố định khoảng

524 triệu đồng của những tài sản cố định không tham gia phục vụ sản xuất kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Nếu ghi nhận đầy đủ thì chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ giảm khoảng 9,6 tỷ đồng.

Hiện tại chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, giá vốn hàng bán của Công ty như giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm định chất lượng, phiếu cân, ...

Công ty đã cấp cho Ông Lê Hữu Lộc - Giám đốc khoản vay mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là chưa tuân thủ quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị áp dụng cho Công ty đại chúng.

Trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đang phản ánh số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2016 đối với Công ty Cổ phần Mỏ và Khoáng sản Miền Trung số tiền hơn 6,3 tỷ đồng.

#### **Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo kiểm toán được phát hành dưới dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



*(Handwritten signature in blue ink)*

**LÊ VĂN DÒ**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHNKT số 0231-2013-016-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**BÙI QUANG HỢP**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2013-016-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>102.574.482.777</b>	<b>93.273.215.754</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>190.035.311</b>	<b>197.733.484</b>
1. Tiền	111	V.01	190.035.311	197.733.484
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.372.398.359</b>	<b>76.208.836.632</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	62.512.603.558	35.399.504.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85.597.999	262.413.254
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	20.000.000.000	39.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.260.918.999	1.246.919.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(486.722.197)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.07	<b>18.863.600.420</b>	<b>16.763.750.917</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.863.600.420	16.763.750.917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>148.448.687</b>	<b>102.894.721</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.448.687	102.894.721
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>257.334.263.861</b>	<b>259.975.923.907</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.024.142.072</b>	<b>8.115.802.118</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7.024.142.072	8.115.802.118
- Nguyên giá	222		18.143.985.128	18.143.985.128
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.119.843.056)	(10.028.183.010)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>360.121.789</b>	<b>360.121.789</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		360.121.789	360.121.789
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.02	<b>99.950.000.000</b>	<b>101.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		86.500.000.000	86.500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.550.000.000)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>359.908.746.638</b>	<b>353.249.139.661</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

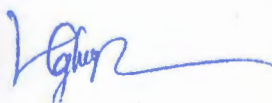
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>64.531.814.857</b>	<b>57.817.742.178</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>64.531.814.857</b>	<b>57.817.742.178</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	45.578.290.350	48.654.616.388
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	6.250.648.578	6.309.568.861
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	629.595.000	470.876.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	275.022.223	305.022.223
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	11.695.380.000	1.974.380.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		102.878.706	103.278.706
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>295.376.931.781</b>	<b>295.431.397.483</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>295.376.931.781</b>	<b>295.431.397.483</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		290.755.000.000	290.755.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		290.755.000.000	290.755.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.106.364	4.106.364
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.850.090	1.591.850.090
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.025.975.327	3.080.441.029
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.080.441.029	1.419.154.715
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(54.465.702)	1.661.286.314
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>359.908.746.638</b>	<b>353.249.139.661</b>

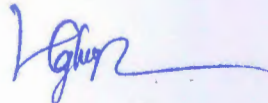
Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Lê Hữu Lộc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

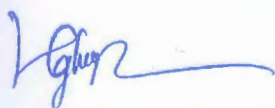
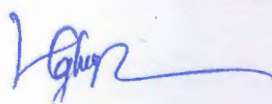
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	67.356.645.455	79.415.337.562
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		67.356.645.455	79.415.337.562
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	65.901.822.209	75.900.019.104
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.454.823.246	3.515.318.458
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	2.354.135.285	430.996.393
7. Chi phí tài chính	22	V.04	1.648.719.000	197.438.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.719.000	197.438.000
8. Chi phí bán hàng	25		175.990.910	188.924.718
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.05	1.678.850.036	1.332.224.685
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		305.398.585	2.227.727.448
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	V.06	298.784.570	76.351.572
13. Lợi nhuận khác	40		(298.784.570)	(76.351.572)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.614.015	2.151.375.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.07	61.079.717	490.089.562
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(54.465.702)	1.661.286.314
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.08	(2)	63
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.08	(1)	63

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết

Lê Hữu Lộc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

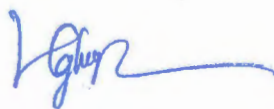
CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01	46.979.210.816	76.916.820.082
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch	02	(77.547.244.275)	(39.357.674.011)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(636.400.000)	(793.660.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(200.000.000)	(450.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	330.000.000	28.982.671.998
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(330.400.000)	(631.650.234)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(31.404.833.459)</b>	<b>64.666.507.835</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23	-	(39.300.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	19.300.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(150.000.000.000)	(26.387.250.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	150.000.000.000	1.774.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được c	27	2.376.135.286	8.996.393
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>21.676.135.286</b>	<b>(63.903.753.607)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	29.285.000.000	7.969.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.564.000.000)	(8.619.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.721.000.000</b>	<b>(650.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(7.698.173)</b>	<b>112.754.228</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	197.733.484	84.979.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>190.035.311</b>	<b>197.733.484</b>

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

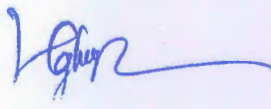
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết



Nguyễn Thị Tuyết



Lê Hữu Lộc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 29.075.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu ; sản xuất gạch, vôi, đá xẻ, cắt tạo dáng, hoàn thiện đá xẻ, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, khai thác quặng sắt, đá, cát sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Phá dỡ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm; quặng kim loại màu (trừ quặng uranium và quặng thorium). Khai thác và thu gom than cứng ; sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác ; giao thông, thủy lợi;
- Bán buôn bán lẻ: than đá, nhiên liệu rắn khác, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

### *Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

## 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân theo tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

*Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

#### 6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, sửa chữa tài sản cố định, cấp chứng chỉ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng quy định hiện hành.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá*

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

#### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **17. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2016	01/01/2016
<b>1. Tiền</b>		
Tiền mặt	81.230.508	118.273.802
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.804.803	79.459.682
<b>Cộng</b>	<b>190.035.311</b>	<b>197.733.484</b>

## 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

## 2.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

## 2.1.1 Dài hạn

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.000.000.000	-	(i)	15.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt - tỷ lệ sở hữu 25%	15.000.000.000	-	(i)	15.000.000.000	-	(i)
b) Đầu tư vào đơn vị khác	86.500.000.000	-	1.150.000.000	86.500.000.000	-	5.000.000.000
Công ty CP Đá Split - tỷ lệ sở hữu 3,1% (*)	5.000.000.000	1.550.000.000	1.150.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty CP VFI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 17,9%	22.000.000.000	-	(i)	22.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư PT VDI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 14,67%	34.000.000.000	-	(i)	34.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái - tỷ lệ sở hữu 9,96%	25.500.000.000	-	(i)	25.500.000.000	-	(i)

(i) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đá Split được tính theo giá thị trường tại ngày 31/12/2016.

## 3. Phải thu khách hàng

## a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	23.901.417.584
- Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	8.375.668.400	8.375.668.400
- Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - XD - KT - TM Phú Hoà	23.043.735.000	-
- Phải thu của khách hàng khác	3.964.366.174	3.122.418.394
<b>Cộng</b>	<b>62.512.603.558</b>	<b>35.399.504.378</b>

## b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

- Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	23.901.417.584
--	----------------	----------------



4. Phải thu về cho vay	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	20.000.000.000	-	39.300.000.000	-
+ Ông Lê Hữu Lộc (*)	20.000.000.000	-	39.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>		<b>39.300.000.000</b>	

(\*) Số dư cuối kỳ số tiền cho vay của Hợp đồng số 07/2015/HĐKT ngày 31/12/2015. Theo hợp đồng nêu trên, số tiền cho vay là 23,8 tỷ đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm, tài sản thế chấp là 6.840.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VFI Việt Nam mà ông Lộc sở hữu.

5. Phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	1.260.918.999	-	1.246.919.000	-
- Phải thu khác	399.999.999	-	422.000.000	-
+ Phải thu về lãi cho vay	399.999.999	-	422.000.000	-
- Tạm ứng	860.919.000	-	824.919.000	-
<i>b) Dài hạn</i>	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai <sup>(1)</sup>	85.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh <sup>(2)</sup>	65.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh	-	-	150.000.000.000	-

(1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 3/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình cùng góp vốn mỗi bên 50% tương đương 35 tỷ đồng để mua lại nhà máy gạch Tuynel, mỏ sét của Công ty TNHH Bình Minh 1 tại Đắc Lắc và đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới; đồng thời cải tiến nâng cấp dây chuyền sản xuất cũ thành dây chuyền sản xuất tiết kiệm nguyên nhiên liệu, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel cũ được phục hồi đưa vào sản xuất lại, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

(1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 3/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 50% tương đương 50 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

(2) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh sơn nước và vật liệu sơn ngày 21/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 65 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất sơn nước các loại và vật liệu sơn tại tỉnh Hòa Bình, Gia Lai đồng thời mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tại nhà máy của Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh, thời gian hợp tác 03 năm từ ngày dây chuyền sản xuất sơn nước các loại vật liệu sơn đầu tiên được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận chia cho các bên là 50%-50%.

6. Nợ xấu	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</i>				
+ Công ty cổ phần ĐTTM XNK Hùng Vương	973.444.394	486.722.197	973.444.394	973.444.394
<b>Cộng</b>	<b>973.444.394</b>	<b>486.722.197</b>	<b>973.444.394</b>	<b>973.444.394</b>

7. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	137.436.777	-	137.436.777	-
Công cụ, dụng cụ	6.158.181	-	6.158.181	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	3.383.483.976	-	2.858.557.824	-
Thành phẩm	495.207.119	-	513.310.768	-
Hàng hóa	14.841.314.367	-	13.248.287.367	-
<b>Cộng</b>	<b>18.863.600.420</b>	<b>-</b>	<b>16.763.750.917</b>	<b>-</b>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu kỳ	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	6.138.368.952	3.319.483.595	570.330.463	10.028.183.010
Số tăng trong kỳ	922.892.081	168.767.965	-	1.091.660.046
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	922.892.081	168.767.965	-	1.091.660.046
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.061.261.033	3.488.251.560	570.330.463	11.119.843.056
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	7.947.034.153	168.767.965	-	8.115.802.118
Tại ngày cuối kỳ	7.024.142.072	-	-	7.024.142.072

9. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty CP mỏ và XNK KS Miền Trung	6.307.831.266	6.307.831.266
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng D.E.M	-	16.706.132.168
- Công ty CP CN Khoáng sản Bình Thuận	6.866.823.584	9.666.823.584
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu XD Gia Lai	-	13.535.098.500
- Công ty CP Kinh doanh Thương mại quốc tế	18.270.560.000	-
- Công ty CP Khoáng sản Luyện Kim Màu	6.466.654.300	-
- Công ty CP Khai thác & chế biến khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.061.511.000
- Khách hàng khác	5.983.450.900	1.377.219.870
<b>Cộng</b>	<b>45.578.290.350</b>	<b>48.654.616.388</b>

b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

- Công ty CP CN Khoáng sản Bình Thuận	6.866.823.584	9.666.823.584
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu XD Gia Lai	-	13.535.098.500
- Công ty CP Khoáng sản Luyện Kim Màu	6.466.654.300	-
- Công ty CP Khai thác & chế biến khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.061.511.000

## 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
<i>Phải nộp nhà nước</i>				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.219.728.284	180.000.000	100.000.000	1.299.728.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.571.804.565	61.079.717	200.000.000	3.432.884.282
Thuế thu nhập cá nhân	164.068.364	-	-	164.068.364
Thuế tài nguyên	1.241.245.159	-	-	1.241.245.159
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	112.722.489	3.000.000	3.000.000	112.722.489
<b>Cộng</b>	<b>6.309.568.861</b>	<b>244.079.717</b>	<b>303.000.000</b>	<b>6.250.648.578</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 11. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí kiểm toán	130.000.000	70.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	499.595.000	400.876.000
<b>Cộng</b>	<b>629.595.000</b>	<b>470.876.000</b>

## 12. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	123.553.655	153.553.655
Bảo hiểm y tế	35.608.793	35.608.793
Bảo hiểm thất nghiệp	23.919.077	23.919.077
Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.940.698	91.940.698
<b>Cộng</b>	<b>275.022.223</b>	<b>305.022.223</b>

## 13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>11.695.380.000</b>	<b>11.695.380.000</b>	<b>29.285.000.000</b>	<b>19.564.000.000</b>	<b>1.974.380.000</b>	<b>1.974.380.000</b>
- NH TMCP Quân đội <sup>(1)</sup>	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
- Bà Phạm Thị Hinh <sup>(2)</sup>	9.721.000.000	9.721.000.000	29.285.000.000	19.564.000.000	-	-

<sup>(1)</sup> Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội số 56.12.003.1133890.TD, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất thả nổi.

<sup>(2)</sup> Hợp đồng vay Bà Phạm Thị Hinh số 1605/2016/HĐVV ngày 16/5/2016, thời hạn vay 12 tháng.

14. **Vốn chủ sở hữu**

a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	262.700.000.000	28.059.106.364	-	3.011.004.805	293.770.111.169
Tăng vốn năm trước	28.055.000.000	-	-	1.661.286.314	29.716.286.314
- Phát hành thêm cổ phiếu	28.055.000.000	-	-	-	28.055.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	1.661.286.314	1.661.286.314
Giảm vốn năm trước	-	28.055.000.000	-	-	28.055.000.000
- Giảm khác	-	28.055.000.000	-	-	28.055.000.000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>290.755.000.000</b>	<b>4.106.364</b>	<b>-</b>	<b>4.672.291.119</b>	<b>295.431.397.483</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	(54.465.702)	(54.465.702)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	(54.465.702)	(54.465.702)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>290.755.000.000</b>	<b>4.106.364</b>	<b>-</b>	<b>4.617.825.417</b>	<b>295.376.931.781</b>

b) *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	31/12/2016	01/01/2016
- Vốn góp của các cổ đông	290.755.000.000	290.755.000.000
<b>Cộng</b>	<b>290.755.000.000</b>	<b>290.755.000.000</b>

c) *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	290.755.000.000	262.700.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	28.055.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	290.755.000.000	290.755.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) *Cổ phiếu*

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.075.500	29.075.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
<b>01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	67.356.645.455	79.415.337.562
<b>Cộng</b>	<b>67.356.645.455</b>	<b>79.415.337.562</b>
<i>Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan:</i>		
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	7.424.424.000	32.747.138.713
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	37.697.657.560	14.346.142.940
<b>02. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa	65.901.822.209	75.900.019.104
<b>Cộng</b>	<b>65.901.822.209</b>	<b>75.900.019.104</b>
<b>03. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.354.135.285	430.996.393
<b>Cộng</b>	<b>2.354.135.285</b>	<b>430.996.393</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>04. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	98.719.000	197.438.000
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	1.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.648.719.000</b>	<b>197.438.000</b>
<b>05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>175.990.910</i>	<i>188.924.718</i>
Chi phí nhân công	175.990.910	188.924.718
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>1.678.850.036</i>	<i>1.332.224.685</i>
Chi phí nhân công	492.000.000	492.200.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	467.949.324	467.949.324
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	486.722.197	-
Chi phí khác	232.178.515	372.075.361
<b>06. Chi phí khác</b>		
Khấu hao TSCĐ không sử dụng	98.784.570	76.303.950
Chi phí phạt hành chính	200.000.000	-
Chi phí khác	-	47.622
<b>Cộng</b>	<b>298.784.570</b>	<b>76.351.572</b>
<b>07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
a) Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.614.015	2.151.375.876
b) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	298.784.570	76.303.950
- Các khoản không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	298.784.570	76.303.950
c) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
d) Lợi nhuận tính thuế	305.398.585	2.227.679.826
d) Thuế TNDN	61.079.717	490.089.562
<b>08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(54.465.702)	1.661.286.314
b) Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(54.465.702)	1.661.286.314
c) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông	-	-
d) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.075.500	26.270.000
e) Số cổ phiếu dự kiến phát hành trong tương lai (**)	20.000.000	-
f) Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	(2)	63
g) Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	(1)	63

(\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay là số tạm tính do chưa có quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi của đại hội đồng cổ đông

(\*\*) Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ/KHB ngày 20/04/2016, Công ty dự kiến phát hành thêm 200.000.000.000 đồng tương ứng 20.000.000 cổ phần.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

T	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	Cùng thành viên chủ chốt	Trả tiền mua hàng	13.535.098.500
2	Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Công ty đầu tư góp vốn	Bán hàng Thu tiền bán hàng Mua hàng Trả tiền mua hàng	8.166.866.400 4.939.450.000 12.395.581.836 11.774.122.536
3	Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	Cùng thành viên chủ chốt	Bán hàng Thu tiền bán hàng Mua hàng Trả tiền mua hàng	41.467.423.316 41.467.423.316 7.966.654.300 1.500.000.000
4	Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	Cùng thành viên chủ chốt	Trả tiền mua hàng	2.800.000.000

### 3. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty trong năm là bán hàng thương mại trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh nên không có báo cáo bộ phận được trình bày.

### 4. Thông tin khác

Công ty đang bị cục thuế Hòa Bình áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị.

### 5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Giám đốc

Lê Hữu Lộc